

对象国信息课系列教材

越南历史

余富兆 谢群芳 编

解放军外国语学院第五系
2004年5月

LỊCH SỬ VIỆT NAM

**DƯ PHÚ TRỆU
TẠ QUÂN PHƯƠNG**

**KHOA V HỌC VIỆN NGOẠI NGỮ QUÂN GIẢI
PHÓNG NHÂN DÂN TRUNG QUỐC**

Tháng 5 năm 2004

前 言

《越南历史》是越南语对象国信息课系列教材之一。

我们编写本教材的目的旨在让学生通过教学活动，对越南历史有较为系统、完整、准确地认识和了解。在学习越南历史、获得对象国信息的同时，扩大越语词汇量，促进语言学习，提高越语语言的运用能力。

本教材的编写按照越南历史发展的进程分为：传说时期的越南；北属时期的越南；十至十四世纪的越南；十五世纪的越南；十六至十八世纪的越南；十八世纪中叶至十九世纪的越南；十九世纪后半叶的越南；二十世纪初至第一次世界大战时期的越南；一战后至一九三〇年的越南；一九三〇至一九四五年的越南；一九四五至一九五四年的越南；一九五四至一九七五年的越南；一九七五年以后的越南等章节。

为了便于教学和学生掌握所学知识，课后附有填空题、思考题、判断题等作业，也可以供自学者对所学知识进行自我检测。

越南历史跟中国历史有着密不可分的关系，特别是对越南古代史，中越学者众说纷纭。我们以马克思主义的唯物史观为指导，本着尊重史实的原则，去伪存真，保持其历史的客观风貌。

本书在编写过程中参考了国内外专家学者的多部历史著作，在此一并表示衷心感谢。由于编者水平有限，加之时间仓促，本教材肯定还有不少错漏之处，恳请各位学者、同仁批评指正。

编 者

2004年5月

Mục Lục

Lời nói đầu	1
Mục lục	1
Bài thứ nhất	
Việt Nam trong thời đại truyền thuyết	1
Bài tập	11
Bài thứ hai	
Việt Nam trong thời kỳ Bắc thuộc(207 TCN-938)	13
Bài tập	37
Bài thứ ba	
Việt Nam từ giữa thế kỷ X đến cuối thế kỷ XIV	40
Bài tập	87
Bài thứ tư	
Việt Nam thế kỷ XV	94
Bài tập	122
Bài thứ năm	
Việt Nam từ thế kỷ XVI đến thế kỷ XVIII	128
Bài tập	168
Bài thứ sáu	
Việt Nam từ giữa thế kỷ XVIII đến giữa thế kỷ XIX	175
Bài tập	217
Bài thứ bảy	
Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX (1858-1896)	222
Bài tập	249

Bài thứ tám

Việt Nam từ đầu thế kỷ XX đến cuối chiến tranh thế giới lần thứ nhất	252
Bài tập	279

Bài thứ chín

Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất đến năm 1930	282
Bài tập	321

Bài thứ mười

Việt Nam trong những năm 1930-1945	325
Bài tập	361

Bài thứ mười một

Việt Nam trong chín năm kháng chiến chống thực dân Pháp và xây dựng chế độ dân chủ mới (1945-1954)	365
Bài tập	403

Bài thứ mười hai

Việt Nam từ 1954 đến 1975	406
Bài tập	461

Bài thứ mười ba

Việt Nam từ 1975 đến nay	464
Bài tập	504

BÀI THỨ NHẤT

VIỆT NAM TRONG THỜI ĐẠI TRUYỀN THUYẾT

1. Sự hình thành Nhà nước đầu tiên - Nhà nước Văn Lang

Nhà nước là một phạm trù lịch sử của xã hội có giai cấp. Điều kiện quan trọng số một để nhà nước có thể ra đời được là trên cơ sở sức sản xuất phát triển dẫn đến tình trạng phân hóa xã hội. Nhà nước ra đời là sản phẩm tất yếu của một xã hội mà mâu thuẫn giai cấp đã phát triển đến mức không thể điều hoà được.

**Tình hình phân hóa xã hội*

Nước Việt Nam thời Hùng Vương, sự phát triển của sức sản xuất đã gây ra nhiều biến động xã hội và đưa đến một tình trạng phân hoá xã hội rõ nét vào giai đoạn văn hoá Đông Sơn. Lúc này trong xã hội đã có kẻ giàu, người nghèo, kẻ sang, người hèn và tình trạng bất bình đẳng xã hội đã in đậm dấu ấn trong các khu mộ táng hay đã được phản ánh trong một số truyền thuyết dân gian và thơ tích cổ. Tuy nhiên, mức độ phân hoá xã hội đến giai đoạn văn hoá Đông Sơn vẫn chưa thật cao, chưa thật sâu sắc, nhưng nó cũng đã tạo ra một cơ sở xã hội cần thiết cho quá trình hình thành Nhà nước đầu tiên.

**Nhu cầu thủ lợi, trị thủy.*

Bắt đầu từ giai đoạn văn hoá Phùng Nguyên, khi con người tiến xuống khai phá vùng đồng bằng sông Hồng và chọn nghề trồng cây lúa nước làm nghề sống chính là họ phải trực tiếp đối mặt với vùng đồng bằng sông nước. Sông Hồng bắt nguồn từ Trung Quốc vào Việt Nam trên một địa bàn phức tạp có độ dốc cao, nên nó là một trong những con sông “nguy hiểm” vào bậc nhất thế giới. Chinh phục vùng đồng bằng sông nước này, người Việt cổ phải đối phó với muôn vàn khó khăn, thử thách, nhưng khó khăn phức tạp hơn cả vẫn là làm sao để có thể chủ

động được nguồn nước. Cơ sở của nền kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước đặt ra nhu cầu bức thiết phải có những công trình tưới tiêu bảo đảm nguồn nước cho cây trồng. Sức mạnh của con người vươn lên chinh phục thiên nhiên để phát triển sản xuất nông nghiệp đã được huyền thoại hoá bằng câu truyện "Sơn Tinh-Thủy Tinh". Truyện phản ánh cuộc đấu tranh chống ngập lụt của người dân vùng đồng bằng Bắc Bộ với ước mơ Sơn Tinh phải chiến thắng Thủy Tinh, núi phải cao hơn nước, người trồng lúa phải thắng ngập lụt.

Công việc chống ngập lụt không bao giờ là công việc đơn lẻ của từng cá nhân, gia đình hay từng làng mà nó luôn luôn đòi hỏi một sự liên kết rộng lớn gồm nhiều công xã, nhiều khu vực, trước hết là toàn bộ vùng châu thổ sông Hồng. Có thể lúc ban đầu, đây chỉ là chức năng xã hội xuất phát từ lợi ích chung của cả cộng đồng, nhưng rồi trong tay người giao phó, dần dần nó trở thành chức năng của nhà nước đối với xã hội.

**Nhu cầu tự vệ, chống ngoại xâm.*

Nước Việt Nam ở vào vị trí địa lý mang tính chất tiếp xúc của bán đảo Đông Dương và Đông Nam Á. Nó nằm trên đầu mối của những luồng giao thông tự nhiên nối liền đại lục với đại dương. Đây là vị trí giao lưu kinh tế, văn hoá rất thuận lợi và có lẽ cũng vì sự thuận lợi đó mà đây lại trở thành vị trí mà nhiều người nhòm ngó, tìm mọi cách tấn công từ nhiều phía để chiếm đoạt. Yêu cầu tự vệ chống lại các mối đe dọa từ bên ngoài vì thế cũng sớm được đặt ra và càng ngày càng trở nên bức thiết.

Nhà nước Văn Lang ra đời trong điều kiện tình hình phân hoá giai cấp chưa thật sâu sắc. Bên cạnh chức năng thống trị, bóc lột, nó còn phải đảm đương hai chức năng công cộng là xây dựng các công trình thủy lợi và tổ chức chiến đấu chống ngoại xâm.

Tổ chức Nhà nước lúc này còn hết sức đơn sơ. Đứng đầu Nhà nước là Hùng Vương (Vua Hùng). Vua Hùng vốn chỉ là tù trưởng của bộ lạc

Văn Lang, một bộ lạc mạnh nhất, giữ vai trò trung tâm tập hợp các bộ lạc khác, sau trở thành thủ lĩnh liên minh bộ lạc, rồi chuyển thành người đứng đầu một tổ chức nhà nước sơ khai vẫn còn mang dáng dấp của vị thủ lĩnh xưa. Vua Hùng có quyền thế tập và tập trung trong tay một số quyền lực, tuy nhiên đây chưa phải là quyền lực nhà nước đầy đủ.

Giúp việc cho vua Hùng có các Lạc hầu. Nước được chia ra thành các bộ (bộ lạc) và đứng đầu mỗi bộ là Lạc tướng. Chức Lạc tướng cũng được đời đời cha truyền con nối. Lạc tướng thực chất cũng chỉ là tù trưởng, thủ lĩnh đứng đầu một vùng.

Dưới bộ là các công xã. Đứng đầu công xã là Bồ chính. Bồ chính lúc đầu là người đại diện cho công xã nhiều hơn là đại diện cho Nhà nước.

2. Nền văn minh sông Hồng

****Quá trình hình thành***

Nước Văn Lang ra đời với một nền kinh tế phong phú, một tổ chức chính trị xã hội đã phát triển và một nền văn hoá khá cao. Đó là nền văn minh sông Hồng.

Quá trình hình thành nền văn minh sông Hồng là quá trình tác động và dung hợp nhiều loại hình địa phương, gồm nhiều thành phần dân tộc gần gũi nhau về nhân chủng và văn hoá, tức là một nền văn hoá thống nhất trong tính đa dạng.

Khảo cổ học đã chứng minh dòng chảy chủ yếu tạo thành nền văn minh Sông Hồng chính là dòng văn hoá sinh ra và trưởng thành trên mảnh đất màu mỡ của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

****Đời sống văn hoá***

Về lĩnh vực văn hoá bảo đảm đời sống nói chung, cụ thể là cách ăn, mặc, ở, đi lại... của người Việt cổ đã phản ánh rõ nét lối sống của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước ở vùng nhiệt đới gió mùa trong một môi trường nhiều đầm, hồ, sông nước. Nguồn lương thực chính của cộng

đồng cư dân là thóc gạo, trong đó chủ yếu là gạo nếp. Thức ăn bao gồm các loại rau củ, bầu bí, cá, đậu...và các sản phẩm của nghề đánh cá, chăn nuôi, săn bắn... Người Việt có tục ăn trầu, nhuộm răng đen và xăm mình. Thường ngày, nam đóng khố, nữ mặc váy, cời trần, đi chân đất. Cả nam lẫn nữ đều ưa dùng đồ trang sức làm bằng đá và đồng thau. Làng Việt thời kỳ này là những công xã nông thôn. Mỗi công xã nông thôn là một tập hợp của một số gia đình hạt nhân gắn kết với nhau theo cả quan hệ láng giềng lẫn dòng máu, sống quây quần lại trong một khu vực và thường có rào tre phòng vệ. Nhà của họ thường là nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. Người Việt đi lại chủ yếu bằng thuyền, bè, mảng trên sông, suối.

Trong lĩnh vực văn hoá tinh thần, cư dân thời Hùng Vương kết hợp những hình thái tín ngưỡng của thời đại kim khí và nông nghiệp trồng lúa nước.

Tín ngưỡng chủ yếu và phổ biến của người Việt cổ là sùng bái tự nhiên như thờ thần Mặt trời, thần Sông, thần Núi với những nghi lễ cầu mong được mùa, đồng thời đã sản sinh ra tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên, sùng bái anh hùng thủ lĩnh, tục lệ cưới xin, ma chay.

Nghệ thuật thời Hùng Vương là nghệ thuật thực dụng mà người thợ thủ công cũng là nghệ nhân dân gian. Nhiều đồ trang sức, công cụ, vũ khí lúc này đều là những tác phẩm nghệ thuật.

Lễ hội, nhất là hội mùa là đỉnh cao của sinh hoạt văn hoá cộng đồng. Hội làng thường được tổ chức vào mùa thu, trong đó ngoài lễ nghi nông nghiệp cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng phong đăng, sinh sản thịnh vượng, người ta tổ chức các hoạt động vui chơi, văn nghệ, thể thao rất phong phú.

Di vật tiêu biểu của nền văn hoá Đông Sơn, văn minh Sông Hồng là trống đồng. Trống đồng là một loại nhạc khí được sử dụng trong tế lễ, hội hè. Trống đồng là vật tượng trưng cho quyền uy của tù trưởng dùng để tập hợp quần chúng, chỉ huy chiến đấu. Trống đồng cũng còn dùng

để chôn theo người chết Trống đồng còn có giá trị như một bộ sử bằng hình ảnh, phản ánh cuộc sống lao động, chiến đấu và những hình thức tín ngưỡng vui chơi của cư dân thời Hùng Vương.

** Một số nét đặc trưng*

- *Về mặt kỹ thuật*: Nền văn minh Sông Hồng hình thành và phát triển trên cơ sở cuộc cách mạng luyện kim với nghề đúc đồng dần dần đạt đến mức hoàn thiện và trên cơ sở đỉnh cao của nghệ thuật đúc đồng đó, chủ nhân của nền văn hoá đã bước vào Sơ kỳ thời đại đồ sắt.

- *Về mặt kinh tế*: Nền văn minh Sông Hồng thực chất là một nền văn minh nông nghiệp trồng lúa nước của người Việt cổ sống trong khu vực nhiệt đới gió mùa, một xứ sở có nhiều sông nước, núi rừng, đồng bằng và biển cả.

- *Về mặt xã hội*: Nền văn minh Sông Hồng là một nền văn minh xóm làng dựa trên cơ cấu nông thôn kiểu Á châu của một xã hội phân hoá chưa gay gắt và Nhà nước mới hình thành. Nhà nước đó vừa có mặt bóc lột công xã, lại vừa đại diện cho lợi ích chung của công xã trong yêu cầu tổ chức đấu tranh chinh phục thiên nhiên, chống thiên tai, khai hoang, làm thuỷ lợi và tự vệ.

Nền văn minh Sông Hồng cũng sớm có quan hệ giao lưu mật thiết với các nền văn minh láng giềng (đặc biệt là văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn Độ).

3. Nước Âu Lạc đời An Dương Vương

Sách Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim chép rằng “Hùng Vương bị con vua Thục là Phán đánh đuổi và lên thay”, còn một số thần tích và truyền thuyết dân gian lại cho rằng sau nhiều cuộc xung đột, cuối cùng Hùng Vương theo lời khuyên của con rể là Thánh Tản Viên đã nhường ngôi cho Thục Phán.

Tên nước Âu Lạc bao gồm hai thành tố là Tây Âu (hay Âu Việt) và Lạc Việt, phản ánh sự liên kết của hai nhóm người Lạc Việt và Tây Âu.

Trong triều vua Thục vẫn có Lạc Hầu và các địa phương vẫn do Lạc tướng cai quản. Lãnh thổ nước Âu Lạc vẫn được mở rộng trên cơ sở sáp nhập hai vùng lãnh thổ Văn Lang và Tây Âu. Vì vậy, nước Âu Lạc là một bước phát triển mới, kế tục và cao hơn nước Văn Lang. Nước Âu Lạc của An Dương Vương chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn (khoảng gần 50 năm, từ năm 257 đến năm 207 tr. CN).

Kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội thời Âu Lạc đều tiếp tục phát triển trên cơ sở những thành tựu đã đạt được của nước Văn Lang trước đây. Văn hoá Đông Sơn vẫn là cơ sở văn hoá chung của nước Văn Lang và Âu Lạc. Do yêu cầu bức thiết của chiến tranh, trong thời Âu Lạc, kỹ thuật quân sự có những tiến bộ vượt bậc. Đó là việc sáng chế ra nỏ Liên Châu bắn một lần nhiều phát tên, được coi là loại vũ khí mới, lợi hại (dân gian gọi là “nỏ thần”), và việc xây dựng kinh đô Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội), hình ảnh tập trung sự phát triển nhiều mặt của nước Âu Lạc.

Cổ Loa nằm trên bờ bắc Sông Hoàng. Ngày xưa Hoàng Giang là một dòng sông lớn nối liền với sông Hồng và sông Cầu, tức là từ Cổ Loa có thể thông ra cả hai hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình để đi đến mọi miền đất nước lúc đó. Cổ Loa ở giữa vùng đồng bằng đông dân, kinh tế phát đạt, lại được xây dựng trên một vùng đất đã được khai phá có xóm làng cư trú từ lâu đời.

Theo di tích còn lại, thành Cổ Loa gồm 3 vòng thành khép kín là thành Nội, thành Trung và thành Ngoại. Thành Nội hình chữ nhật có chu vi 1.650 mét cao khoảng 5 mét, rộng khoảng từ 6 đến 12 mét và chỉ mở 1 cửa ở phía nam. Thành Trung là một vòng thành khép kín bao phía ngoài thành Nội với chu vi 6.500 mét, có 5 cửa là Bắc, Đông, Nam, Tây Bắc và Tây Nam, trong đó cửa Đông là một cửa đường thủy mở lối cho một nhánh sông Hoàng chảy vào sát thành Nội. Thành Ngoại dài khoảng 8.000 mét có 3 cửa Bắc, Đông và Tây Nam, trong đó cửa Đông là cửa thông ra sông Hoàng. Cả ba vòng thành đều có ngoại hào nối với

nhau và nối liền với sông Hoàng tạo thành một mạng lưới giao thông đường thủy rất tiện lợi. Ngoài 3 vòng thành và hào khép kín, khoảng giữa các vòng thành và phía ngoài thành Ngoài còn có nhiều đoạn lũy và ụ đất được bố trí và sử dụng như những “công sự” phòng vệ nằm trong cấu trúc chung của thành.

Thành Cổ Loa với những di tích hiện còn là công trình lao động đồ sộ. Đây là một kiến trúc quân sự kiên cố được phòng vệ chắc chắn, kết **hợp chặt chẽ** giữa quân bộ và quân thủy. Thành Cổ Loa biểu thị một bước phát triển mới của Nhà nước Âu Lạc, của quyền lực xã hội và sự phân hoá xã hội. Tất nhiên di tích thành Cổ Loa hiện nay có phải hoàn toàn chỉ là toà thành thời An Dương Vương hay nó còn được tu bổ, bồi đắp, xây dựng thêm trong các đời sau. Phân biệt một cách thật rạch ròi đâu là di tích thời An Dương Vương và đâu là di tích các thời đại sau cũng đang còn là dấu hỏi của sử học.

Trong cuộc chiến tranh chinh phục Bách Việt, quân Tần đã chiếm được miền đất rộng lớn và lập ra 4 quận là Man Trung (Chiết Giang, Phúc Kiến), Nam Hải (Quảng Đông), Quế Lâm (bắc và đông Quảng Tây) và Quận Tượng (tây Quảng Tây và nam Quý Châu). Năm 210 tr. CN, Tần Thủy Hoàng chết, đế chế Tần suy yếu, 4 quận ở phía nam trên thực tế đã thoát khỏi sự quản lý và kiểm soát của triều đình trung ương. Triệu Đà tranh thủ cơ hội chiếm lấy quận Nam Hải, giữ các cửa ải và chặn các đường giao thông từ bắc xuống, diệt trừ những quan lại nhà Tần và thay bằng những người thân cận, cùng phe cánh lập ra chính quyền cát cứ của họ Triệu ở Phiên Ngung. Năm 205 tr CN, nhà Hán thay nhà Tần, Triệu Đà đã lợi dụng sự sụp đổ của đế chế Tần để thực hiện mưu đồ cát cứ và lợi dụng tình trạng lộn xộn của nhà Hán khi mới thành lập để củng cố và phát triển chính quyền của mình. Buối đầu nhà Hán chấp nhận chính quyền cát cứ của Triệu Đà, phong cho Triệu Đà làm Nam Việt Vương. Triệu Đà trên danh nghĩa thần phục nhà Hán, nhưng trong thực tế vẫn hoàn toàn nắm thực quyền và ra sức củng cố

lực lượng cát cứ ở Nam Việt. Năm 183 tr CN, Triệu Đà lập thành một nước riêng, không chịu thần phục nhà Hán. Quân nhà Triệu đã nhiều lần tiến vào Tiên Du, Vũ Ninh, sông Bình Giang (vùng Bắc Ninh ngày nay). Quân dân Âu Lạc đã nhiều lần đánh lui quân Triệu Đà ở vùng núi đồi Tiên Du và Vũ Ninh.

Sau nhiều lần tấn công thất bại, biết không thể chinh phục nước Âu Lạc bằng vũ lực, Triệu Đà quyết định xin cầu hôn công chúa My Châu của An Dương Vương cho con trai mình là Trọng Thủy. Lợi dụng tục ở rể của người Việt, Triệu Đà cho Trọng Thủy sang ở rể tại kinh thành Cổ Loa. Các tướng lĩnh của An Dương Vương lúc đó ra sức khuyên can nhưng ông không nghe và từng bước bị lung lạc ý chí chiến đấu, tê liệt tinh thần cảnh giác, nội bộ trong triều bất hoà, chia rẽ. Nhiều tướng giỏi đã bị bạc đãi, bị giết hại hay phải bỏ đi. Trong khi đó, Trọng Thủy lại lợi dụng cương vị con rể và tình yêu chân thành của My Châu để “xem trộm nỏ thần, ngấm làm máy nỏ khác, đổi móng rùa vàng giấu đi”..., như các sách sử đã chép.

Được tin báo của Trọng Thủy, Triệu Đà lập tức tiến quân vào nước Âu Lạc, bất ngờ đánh thẳng vào thành Cổ Loa. Cuộc chiến đấu của An Dương Vương bị thất bại. Việt Nam bắt đầu hơn 1000 năm Bắc thuộc.

Từ mới:

tưới tiêu	排灌
luồng	通道
gạo nếp	糯米
rau củ	蔬菜
bầu bí	瓜类
xăm mình	纹身
đồng thau	黄铜
cưới xin	婚嫁
ma chay	祭奠
tế lễ	祭礼
hội hè	庙会、节日
khép kín	关严, 封闭

Bài tập

I. Điền trống.

1. Nhà nước là một phạm trù lịch sử của xã hội _____. Điều kiện quan trọng số một để nhà nước có thể ra đời được là trên cơ sở sức sản xuất phát triển dẫn đến tình trạng phân hóa xã hội. Nhà nước ra đời là _____ của một xã hội mà mâu thuẫn giai cấp đã phát triển đến mức _____.

2. Nước Việt Nam ở vào vị trí địa lý mang tính chất tiếp xúc của bán đảo Đông Dương và Đông Nam Á. Nó nằm trên _____ của _____ nối liền đại lục với đại dương.

3. Tín ngưỡng chủ yếu và phổ biến của người Việt cổ là _____ như thờ thần Mặt trời, thần Sông, thần Núi với những nghi lễ cầu mong được mùa, đồng thời đã sản sinh ra tín ngưỡng _____, sùng bái anh hùng thủ lĩnh, tục lệ _____.

4. Di vật tiêu biểu của nền văn hoá Đông Sơn, văn minh Sông Hồng là _____.

5. Nền văn minh Sông Hồng cũng sớm có quan hệ giao lưu mật thiết với các nền văn minh _____ (đặc biệt là văn minh _____ và văn minh _____).

6. Trong cuộc chiến tranh chinh phục Bách Việt, quân Tần đã chiếm được miền đất rộng lớn và lập ra 4 quận là _____ (Chiết Giang, Phúc Kiến), _____ (Quảng Đông), _____ (bắc và đông Quảng Tây) và _____ (tây Quảng Tây và nam Quý Châu).

II. Câu hỏi.

1. Nhà nước Văn Lang ra đời trong điều kiện như thế nào?
2. Dưới vua Hùng có những ai để giúp việc?

3. Trước kia người Việt đi lại bằng phương tiện gì?
4. Thành Cổ loa xây dựng như thế nào?

III. Phán đoán đúng sai.

1. Vua Hùng không có quyền thế tập và tập trung trong tay một số quyền lực, tuy nhiên đây chưa phải là quyền lực nhà nước đầy đủ.

()

2. Khảo cổ học đã chứng minh dòng chảy chủ yếu tạo thành nền văn minh Sông Hồng chính là dòng văn hoá sinh ra và trưởng thành trên mảnh đất màu mỡ của vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng.

()

BÀI THỨ HAI

VIỆT NAM TRONG THỜI KỲ BẮC THUỘC (207 TCN- 938)

I - Từ sau thất bại của nước Âu Lạc đến sự thành lập “nước Vạn Xuân”

1. Chặng đường từ sau An Dương Vương đến Hai Bà Trưng (207 TCN- 43)

Sau khi sáp nhập đất Âu Lạc vào Nam Việt, Triệu Đà chia Âu Lạc ra làm 2 quận là Giao Chỉ (Bắc Bộ) và Cửu Chân (Bắc Trung Bộ), cử quan lại và quân lính sang cai trị. Cách cai trị của họ Triệu tương đối lỏng lẻo. Triệu Đà vẫn cho các Lạc tướng được trị dân như cũ. Những luật lệ, phong tục tập quán cũ của Âu Lạc dưới thời Triệu tạm thời được duy trì. Cơ cấu xã hội Âu Lạc cũ hầu như chưa bị đụng chạm đến. Trong hơn 70 năm thống trị của nhà Triệu, trên đất Giao Chỉ, Cửu Chân không có những biến động quân sự, chính trị lớn.

Ở Trung Quốc, năm 202 TCN, Lưu Bang thay thế nhà Tần lập ra nhà Hán.

Năm 111 TCN, nhà Hán điều hơn 10 vạn quân xuống chinh phục Nam Việt. Sau một thời gian chống cự, vua tôi nhà Triệu kẻ bị giết, kẻ bị bắt. Bọn quan lại nhà Triệu đã quỳ gối đầu hàng Lộ Bác Đức. Đất Âu Lạc chuyển sang tay nhà Hán.

Nhà Hán chia vùng đất mới chiếm ra làm 9 quận là Đạm Nhĩ, Chu Nhai (thuộc Đảo Hải Nam), Nam Hải, Hợp Phố, Uất Lâm, Thương Ngô (đều thuộc Quảng Đông, Quảng Tây Trung Quốc ngày nay), Giao Chỉ (Bắc Bộ Việt Nam), Cửu Chân (vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh), Nhật Nam (vùng từ Quảng Bình đến Quảng Nam). Năm 106 TCN, nhà Hán đặt